



# HỘI THI OLYMPIC MÙA XUÂN LẦN I – NĂM 2026

Môn: TOÁN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 31/01/2026

## ĐỀ CHÍNH THỨC

**Câu 1 (1,5 điểm).**

a) Rút gọn biểu thức  $A = \left(1 - \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x+1}}\right) : \left(\frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-2} - \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-3} + \frac{\sqrt{x}+2}{x-5\sqrt{x}+6}\right)$  với điều kiện

$x \geq 0, x \neq 4, x \neq 9$ .

b) Cho các số thực  $a, b, c$  đôi một khác nhau thỏa mãn  $a^2(b+c) = b^2(c+a) = 2026$ .

Tính giá trị của biểu thức  $B = abc$ .

**Câu 2 (1,5 điểm).** Trong hệ trục  $Oxy$ , đường thẳng  $(d): y = -x + 6$  cắt trục  $Ox, Oy$  lần lượt tại  $A$  và  $B$ . Gọi  $S$  là tập hợp các điểm có hoành độ và tung độ là các số nguyên nằm trên các cạnh của tam giác  $OAB$  hoặc nằm trong tam giác  $OAB$ . Chọn ngẫu nhiên một điểm từ tập  $S$ .

a) Tính số phần tử của không gian mẫu.

b) Tính xác suất để chọn được điểm  $M$  từ tập  $S$  sao cho diện tích tam giác  $OAM$  không vượt quá  $\frac{1}{2}$  diện tích tam giác  $OAB$ .

**Câu 3 (2,0 điểm).**

a) Giải phương trình  $\sqrt{3x+1} - \sqrt{6-x} + 3x^2 - 14x - 8 = 0$ .

b) Quãng đường từ A đến B dài 315 km. Cùng một thời điểm, một xe máy khởi hành từ A đến B và một xe ô tô khởi hành từ B về A. Sau khi gặp nhau, xe máy đi thêm 4 giờ thì đến B, còn ô tô đi thêm 2 giờ 15 phút thì đến A. Biết vận tốc của mỗi xe là không đổi trong suốt hành trình. Tính vận tốc của xe máy và của ô tô.

**Câu 4 (1,5 điểm).**

a) Biết phương trình  $2025x^2 - 9x - 2026 = 0$  có hai nghiệm phân biệt  $x_1, x_2$ . Không giải phương trình, tính giá trị của biểu thức  $P = 9x_1 + 2025x_2^2 + 2026$ .

b) Tìm số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau dạng  $\overline{XUAN}$  biết rằng  $\overline{XUAN} = \frac{\overline{NAUX}}{4}$ .

**Câu 5 (3,5 điểm).** Cho đường tròn  $(O; R)$  và điểm  $M$  sao cho  $OM = 3R$ . Từ  $M$  kẻ hai tiếp tuyến  $MA, MB$  với  $(O; R)$  ( $A, B$  là các tiếp điểm). Từ  $A$  dựng đường thẳng song song với  $MB$  cắt  $(O)$  tại điểm thứ hai là  $C$ . Đường thẳng  $AC$  cắt  $OM$  tại  $N$ . Gọi  $H$  là giao điểm của  $AB$  và  $OM$ .

a) Chứng minh tứ giác  $AMBN$  là hình thoi.

b) Đường thẳng  $MC$  cắt  $(O)$  tại điểm thứ hai là  $D$ . Kẻ  $CE$  vuông góc  $BD$  tại  $E$ . Tính  $\tan \widehat{DCE}$ .

c) Kẻ đường kính  $AK$  của  $(O)$ , đường thẳng  $MK$  cắt  $(O)$  tại điểm thứ hai là  $P$ . Đường thẳng  $OQ$  vuông góc với đoạn  $KP$  tại  $Q$ . Gọi  $I$  là giao điểm của  $OP$  và  $AQ$ ,  $J$  là giao điểm của  $KI$  và  $AP$ . Chứng minh  $MJ \perp AQ$ .

-----Hết-----

Họ và tên học sinh: .....; Số báo danh: .....



HỘI THI OLYMPIC MÙA XUÂN LẦN I – NĂM 2026

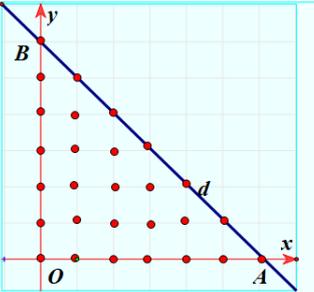
Môn: TOÁN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 31/01/2026

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  
(Hướng dẫn chấm có 06 trang)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	a) Rút gọn biểu thức $A = \left(1 - \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x+1}}\right) : \left(\frac{\sqrt{x+3}}{\sqrt{x-2}} - \frac{\sqrt{x+2}}{\sqrt{x-3}} + \frac{\sqrt{x+2}}{x-5\sqrt{x+6}}\right)$ với điều kiện $x \geq 0, x \neq 4, x \neq 9$ .	1,0
	(Dựa theo đề xuất của trường THCS Kim Đồng)	
	$A = \left(\frac{\sqrt{x+1}-\sqrt{x}}{\sqrt{x+1}}\right) : \left[\frac{\sqrt{x+3}}{\sqrt{x-2}} - \frac{\sqrt{x+2}}{\sqrt{x-3}} + \frac{\sqrt{x+2}}{(\sqrt{x-2})(\sqrt{x-3})}\right]$	0,25
	$A = \frac{1}{\sqrt{x+1}} : \left[\frac{(\sqrt{x+3})(\sqrt{x-3}) - (\sqrt{x-2})(\sqrt{x+2}) + (\sqrt{x+2})}{(\sqrt{x-2})(\sqrt{x-3})}\right]$	0,25
	$A = \frac{1}{\sqrt{x+1}} : \frac{x-9 - (x-4) + \sqrt{x+2}}{(\sqrt{x-2})(\sqrt{x-3})}$	0,25
	$A = \frac{\sqrt{x-2}}{\sqrt{x+1}}$	0,25
	b) Cho các số thực $a, b, c$ đôi một khác nhau thỏa mãn $a^2(b+c) = b^2(c+a) = 2026$ . Tính giá trị của biểu thức $B = abc$ .	0,5
	Ta có $a^2(b+c) = b^2(c+a)$ $a^2b + a^2c - b^2c - ab^2 = 0$ $ab(a-b) + c(a-b)(a+b) = 0$ $(a-b)(ab+bc+ca) = 0$	0,25
Mà $a-b \neq 0$ , suy ra: $ab+bc+ca = 0$ $bc = -a(b+c)$ Do đó $abc = -a^2(b+c) = -2026$ (vì $a^2(b+c) = 2026$ nên $a \neq 0$ ) Vậy $B = abc = -2026$ .	0,25	

Câu	Nội dung	Điểm
	<p>Trong hệ trục Oxy, đường thẳng (d): <math>y = -x + 6</math> cắt trục Ox, Oy lần lượt tại A và B. Gọi S là tập hợp các điểm có hoành độ và tung độ là các số nguyên nằm trên các cạnh của tam giác OAB hoặc nằm trong tam giác OAB. Chọn ngẫu nhiên một điểm từ tập S.</p> <p>a/ Tính số phần tử của không gian mẫu.</p> <p>b/ Tính xác suất để chọn được điểm M từ tập S sao cho diện tích tam giác OAM không vượt quá <math>\frac{1}{2}</math> diện tích tam giác OAB.</p> <p>(Dựa theo đề xuất của trường THCS Nguyễn Trãi)</p>	
<b>Câu 2</b> (1,5 điểm)	<p>a/ Tính số phần tử của không gian mẫu.</p> 	<b>0,75</b>
	<p>+ Các điểm nằm trên các cạnh của tam giác OAB là <math>(0;0), (0;1), (0;2), (0;3), (0;4), (0;5), (0;6), (5;1), (4;2), (3;3), (2;4), (1;5), (0;6)</math>: có 18 điểm.</p>	0,25
	<p>+ Các điểm nằm trong tam giác OAB là <math>(1;1), (1;2), (1;3), (1;4), (2;1), (2;2), (2;3), (3;1), (3;2), (4;1)</math>: có 10 điểm</p>	0,25
	<p>+ Do đó <math>n(\Omega) = 8 + 10 = 28</math>.</p>	0,25
	<p>b/ Tính xác suất để chọn được điểm M từ tập S sao cho diện tích tam giác OAM không vượt quá <math>\frac{1}{2}</math> diện tích tam giác OAB.</p>	<b>0,75</b>
	<p>+ Ta có <math>S_{OAM} \leq S_{OAB}</math>, suy ra <math>\frac{1}{2} \cdot OA \cdot d(M; Ox) \leq \frac{1}{2} \cdot \frac{1}{2} \cdot OA \cdot OB</math></p> <p>Do đó <math> y_M  \leq \frac{1}{2} OB = 3</math>.</p>	0,25
	<p>+ Như vậy điểm M có tọa độ thỏa mãn</p> $\begin{cases} 0 < y_M \leq 3 \\ 0 \leq x_M \leq 6 \\ x_M + y_M \leq 6 \\ x_M, y_M \in \mathbb{Z} \end{cases}$ <p>+ Có tất cả <math>6 + 5 + 4 = 15</math> điểm M thỏa yêu cầu, suy ra <math>n(X) = 15</math>.</p>	0,25
	<p>+ Vậy XS cần tính <math>P(X) = \frac{n(X)}{n(\Omega)} = \frac{15}{28}</math>.</p>	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
<b>Câu 3 (2,0 điểm)</b>	a) Giải phương trình $\sqrt{3x+1} - \sqrt{6-x} + 3x^2 - 14x - 8 = 0$ .	<b>1,0</b>
	Điều kiện $\frac{-1}{3} \leq x \leq 6$ . PT được viết lại $\frac{3x-15}{\sqrt{3x+1}+4} + \frac{x-5}{1+\sqrt{6-x}} + (x-5)(3x+1) = 0$ Lưu ý: HS có thể chưa đặt điều kiện	0,25
	$(x-5) \left( \frac{3}{\sqrt{3x+1}+4} + \frac{1}{1+\sqrt{6-x}} + 3x+1 \right) = 0$ $x-5=0 \quad (1) \text{ hoặc } \frac{3}{\sqrt{3x+1}+4} + \frac{1}{1+\sqrt{6-x}} + 3x+1 = 0 \quad (2)$	0,25
	Giải (1) : ta được $x = 5$ , thỏa điều kiện Nếu chưa đặt điều kiện thì phải thử lại từ pt ban đầu	0,25
	Giải (2): với Điều kiện $\frac{-1}{3} \leq x \leq 6$ thì $\frac{3}{\sqrt{3x+1}+4} + \frac{1}{1+\sqrt{6-x}} + 3x+1 > 0$ suy ra (2) vô nghiệm. Vậy PT có nghiệm $x = 5$ .	0,25
	b) Quãng đường từ A đến B dài 315 km. Cùng một thời điểm, một xe máy khởi hành từ A đến B và một xe ô tô khởi hành từ B về A. Sau khi gặp nhau, xe máy đi thêm 4 giờ thì đến B, còn ô tô đi thêm 2 giờ 15 phút thì đến A. Biết vận tốc của mỗi xe là không đổi trong suốt hành trình. Tính vận tốc của xe máy và của ô tô. (Dựa theo đề xuất của trường THCS Chu Văn An)	<b>1,0</b>
Gọi vận tốc xe máy là $x$ (km/h) (điều kiện $x > 0$ ). Gọi vận tốc ô tô là $y$ (km/h) (điều kiện $y > 0$ ). Thời gian xe máy dự định đi từ A đến B là $\frac{315}{x}$ giờ. Thời gian ô tô dự định đi từ B đến A là $\frac{315}{y}$ giờ. Thời gian đi trên đoạn đường AB của xe máy đi nhiều hơn so với ô tô là $\frac{315}{x} - \frac{315}{y} = 4 - \frac{9}{4} = \frac{7}{4} \text{ (giờ)}$	0,25	
Quãng đường xe máy đi được kể từ khi gặp ô tô cho đến khi đến B là $4x$ (km). Quãng đường ô tô đi được kể từ khi gặp xe máy cho đến khi đến A là $\frac{9}{4}y$ (km). Do đó quãng đường AB là $4x + \frac{9}{4}y = 315$ (km)	0,25	

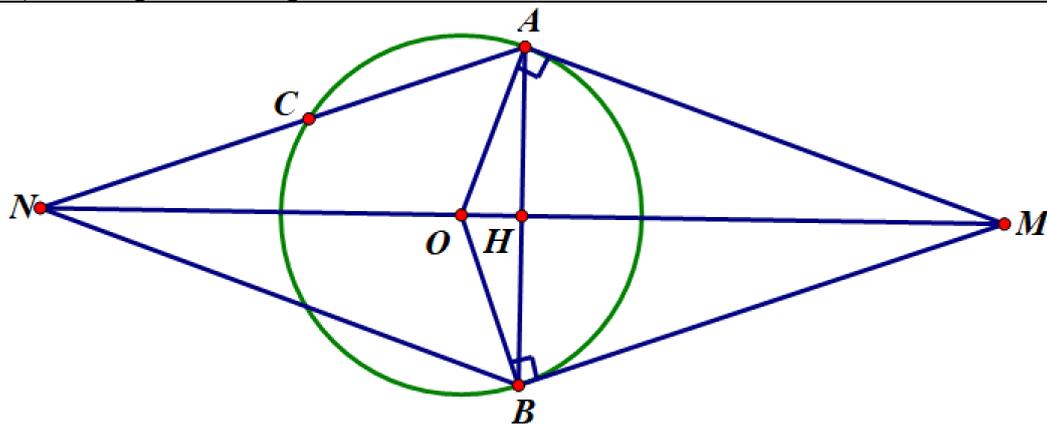
	<p>Ta có hệ phương trình: <math display="block">\begin{cases} \frac{315}{x} - \frac{315}{y} = \frac{7}{4} (1) \\ 4x + \frac{9}{4}y = 315 (2) \end{cases}</math></p> <p>Từ phương trình (2) suy ra <math>x = \frac{1260 - 9y}{16}</math>, thế vào phương trình (1) ta có:</p> $63y^2 + 22\,680y - 1\,587\,600 = 0$ $y^2 + 360y - 25\,200 = 0$	0,25
	<p>Giải phương trình trên được <math>y = -420</math> (loại) hoặc <math>y = 60</math> (nhận).          Với <math>y = 60</math> suy ra <math>x = 45</math>.          Vậy vận tốc xe máy là 45 km/h, vận tốc ô tô là 60 km/h.</p>	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
<b>Câu 4 (1,5 điểm)</b>	a) Biết phương trình $2025x^2 - 9x - 2026 = 0$ có hai nghiệm phân biệt $x_1, x_2$ . Không giải phương trình, tính giá trị của biểu thức $P = 9x_1 + 2025x_2^2 + 2026$ .	<b>0,5</b>
	Theo Viet, ta có $x_1 + x_2 = \frac{9}{2025}$ và $x_1 \cdot x_2 = -\frac{2026}{2025}$ . Vì $x_2$ là nghiệm của phương trình nên $2025x_2^2 - 9x_2 - 2026 = 0$ , suy ra $2025x_2^2 = 9x_2 + 2026$ .	0,25
	Khi đó $P = 9x_1 + 2025x_2^2 + 2026 = 9(x_1 + x_2) + 2 \cdot 2026$ $= 9 \cdot \frac{9}{2025} + 2 \cdot 2026 = \frac{8\,205\,381}{2025}$	0,25
	b) Tìm số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau dạng $\overline{XUAN}$ biết rằng $\overline{XUAN} = \frac{\overline{NAUX}}{4}$ .	<b>1,0</b>
	Từ đề ta có $4 \cdot \overline{XUAN} = \overline{NAUX}$ , ta nhận thấy tích $4 \cdot \overline{XUAN}$ có 4 chữ số nên $0 < X \leq 2$ . Về trái chẵn nên về phải cũng chẵn, từ đó có $X = 2$ .	0,25
	Mặt khác $4 \cdot X \leq N$ hoặc $N \geq 8$ , do $4 \cdot N$ tận cùng bằng 2 nên $N = 8$ .	0,25
	Bây giờ ta viết lại $4 \cdot \overline{2UA8} = \overline{8AU2} \Leftrightarrow 4(2000 + 100U + 10A + 8) = 8000 + 100A + 10U + 2$ $2A - 13U - 1 = 0 \Leftrightarrow 2A = 13U + 1$ suy ra U lẻ	0,25
	Mà $2A \leq 18$ nên $U = 1$ , khi đó $A = 7$ Vậy $\overline{XUAN} = 2178$ thử lại đúng	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
<b>Câu 5 (3,5 điểm)</b>	Cho đường tròn $(O; R)$ và điểm $M$ sao cho $OM = 3R$ . Từ $M$ kẻ hai tiếp tuyến $MA, MB$ với $(O; R)$ ( $A, B$ là các tiếp điểm). Từ $A$ dựng đường thẳng song song với $MB$ cắt $(O)$ tại điểm thứ hai là $C$ . Đường thẳng $AC$ cắt $OM$ tại $N$ . Gọi $H$ là giao điểm của $AB$ và $OM$ .	

a) Chứng minh tứ giác  $AMBN$  là hình thoi.

1,0



0,25

Chứng minh  $OM$  là trung trực của đoạn  $AB$ , suy ra  $\widehat{MAH} = \widehat{MBH}$

0,25

Vì  $AN \parallel BM$  nên  $\widehat{MBH} = \widehat{NAH}$  (so le trong)

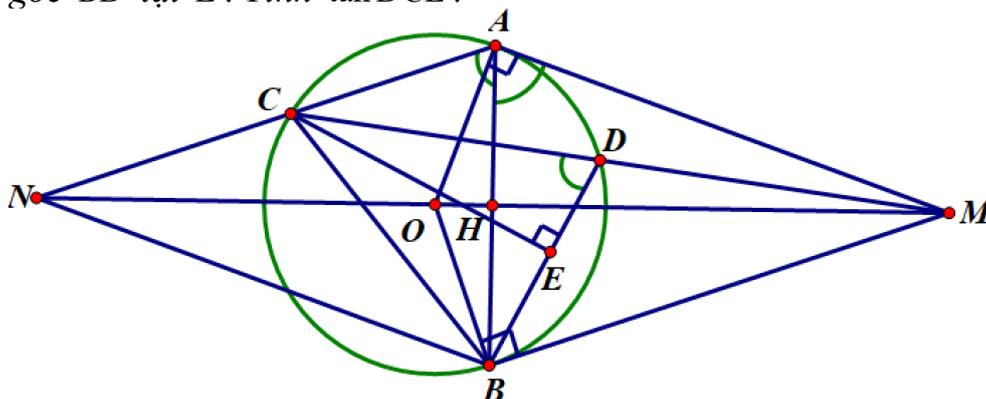
0,25

Do đó  $\widehat{MAH} = \widehat{NAH}$ , tam giác suy ra  $AMN$  cân tại  $A$ .

Từ đó suy ra  $MB = MA = AN = NB$ . Do đó  $AMBN$  là hình thoi

0,25

b) Đường thẳng  $MC$  cắt  $(O)$  tại điểm thứ hai là  $D$ . Kẻ  $CE$  vuông góc  $BD$  tại  $E$ . Tính  $\tan \widehat{DCE}$ .



1,25

Ta có  $\widehat{CAB} = \widehat{NAH} = \widehat{MAH}$  (tam giác  $AMN$  cân tại  $A$ )

0,25

Mà  $\widehat{CAB} = \widehat{CDB} = \widehat{CDE}$  (cùng chắn cung  $BC$ ) nên  $\widehat{CDE} = \widehat{MAH}$

Hai tam giác  $CED$  và  $MAH$  có  $\widehat{CDE} = \widehat{MAH}$  và  $\widehat{CED} = \widehat{MHA} = 90^\circ$  nên  $\triangle CED \sim \triangle MHA$ . Suy ra  $\widehat{DCE} = \widehat{HMA}$ .

0,25

Tam giác  $OAM$  vuông tại  $A$  có  $AH$  là đường cao. Suy ra

$$AM = \sqrt{MO^2 - OA^2} = \sqrt{9R^2 - R^2} = 2\sqrt{2}R,$$

$$AH = \frac{OA \cdot AM}{OM} = \frac{R \cdot 2\sqrt{2}R}{3R} = \frac{2\sqrt{2}}{3}R.$$

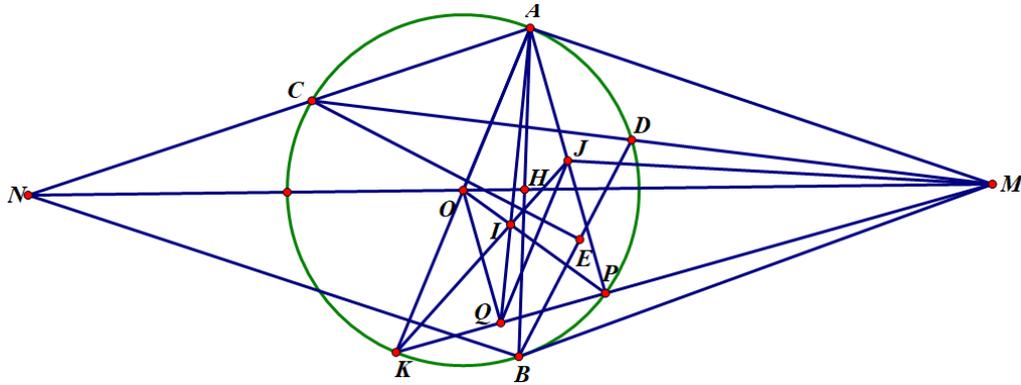
0,5

$$HM = \sqrt{AM^2 - AH^2} = \sqrt{8R^2 - \frac{8R^2}{9}} = \frac{8R}{3}.$$

$$\text{Do đó } \tan \widehat{DCE} = \tan \widehat{HMA} = \frac{AH}{AM} = \frac{\frac{2\sqrt{2}R}{3}}{\frac{8R}{3}} = \frac{\sqrt{2}}{4}.$$

0,25

c) Kẻ đường kính  $AK$  của  $(O)$ , đường thẳng  $MK$  cắt  $(O)$  tại điểm thứ hai là  $P$ . Đường thẳng  $OQ$  vuông góc với đoạn  $KP$  tại  $Q$ . Gọi  $I$  là giao điểm của  $OP$  và  $AQ$ ,  $J$  là giao điểm của  $KI$  và  $AP$ . Chứng minh  $MJ \perp AQ$ .



1,25

Ta có  $OQ \perp KP$  nên  $Q$  là trung điểm  $KP$ . Suy ra  $I$  là trọng tâm của tam giác  $AKP$ .

0,25

Do đó  $J$  là trung điểm của  $AP$ . Suy ra  $QJ$  là đường trung bình của tam giác  $AKP$ , do đó  $QJ \parallel AK$ .

0,25

Lại có  $AM \perp AK$  nên suy ra  $QJ \perp AM$  (1).

0,25

Vì  $AK$  là đường kính của  $(O)$  nên  $\widehat{APK} = 90^\circ$ , suy ra  $AP \perp QM$  (2).

0,25

Từ (1) và (2) suy ra  $J$  là trực tâm của tam giác  $AQM$ . Do đó  $MJ \perp AQ$  (đpcm).

0,25

-----Hết-----

**Lưu ý:** Nếu học sinh giải bằng cách khác, giám khảo căn cứ vào thang điểm của bảng hướng dẫn chấm để chấm.